

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: 13222.NN

Đơn vị yêu cầu: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI KHAI KHOÁNG THĂNG LONG**

Địa điểm lấy mẫu: **Mỏ đá Thiện Tân 7**

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Ông Hoàng, đường Tân Hiền, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 06/12/2022

Thời gian thử nghiệm: 07/12 ÷ 15/12/2022

Loại mẫu: Nước ngầm

Số lượng: 03 mẫu nước

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ			PHƯƠNG PHÁP THỬ
			13222 - NN01	13222 - NN02	13222 - NN03	
1	pH ^(*) (+)	-	6,89	6,73	6,81	TCVN 6492:2011
2	TDS ^(*) (+)	mg/L	189	163	177	HD/TDS/NBMICCO-1
3	Độ cứng ^(*) (+)	mg/L	195	187	208	TCVN 6224:1996
4	Cl ^(*) (+)	mg/L	21	19	25	TCVN 6194:1996
5	NH ₄ ⁺ (*)	mg/L	0,31	0,45	0,39	SMEWW 4500 -NH ₃ .B,F:2017
6	NO ₃ ⁻ (*)	mg/L	0,88	0,56	0,71	SMEWW 4500 - NO ₃ .E:2017
7	Fe ^(*) (+)	mg/L	0,88	0,73	0,65	SMEWW 3111.B:2017
8	Mn ^(*) (+)	mg/L	KPH (LOQ = 0,17)	KPH (LOQ = 0,17)	KPH (LOQ = 0,17)	SMEWW 3111.B:2017
9	As ^(*) (+)	mg/L	KPH (LOQ = 0,007)	KPH (LOQ = 0,007)	KPH (LOQ = 0,007)	SMEWW 3114.B:2017
10	Hg ^(P)	µg/L	KPH (MDL = 0,25)	KPH (MDL = 0,25)	KPH (MDL = 0,25)	SMEWW 3112.B:2017
11	Coliform ^(*) (+)	MPN/100mL	1,8	1,8	1,8	SMEWW 9221.B:2017

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Người lập

QA/QC

Giám đốc



Hoàng Văn Hải

Ngô Thị Thanh Minh

Nguyễn Văn Thủy

- Ký hiệu
 13222 - NN01: Tại khu vực văn phòng mỏ
 13222 - NN02: Phía Bắc khu vực dự án giếng khoan 25m.
 13222 - NN03: Giếng khoan của hộ dân phía Đông dự án (25m).
 2. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả
 3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
 4. Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768

- (*) Phương pháp thử nghiệm được Vilas công nhận
- (+) Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận
- (P) Các chỉ tiêu nhà thầu phụ
- KPH: Không phát hiện
- MDL: giới hạn phát hiện; LOQ: giới hạn định lượng.



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: 13222.NM

Đơn vị yêu cầu: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI KHAI KHOÁNG THẮNG LONG**

Địa điểm lấy mẫu: **Mỏ đá Thiện Tân 7**

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Ông Hoàng, đường Tân Hiền, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 06/12/2022

Thời gian thử nghiệm: 07/12 ÷ 15/12/2022

Loại mẫu: Nước mặt

Số lượng: 02 mẫu nước

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ		PHƯƠNG PHÁP THỬ
			13222 - NM01	13222 - NM02	
1	pH ^(*) (+)	-	7,21	7,19	TCVN 6492:2011
2	DO ^(*) (+)	mg/L	5,45	5,68	TCVN 7325:2016
3	TSS ^(*) (+)	mg/L	25	22	TCVN 6625:2000
4	COD ^(*) (+)	mg/L	12	13	SMEWW 5220.C:2017
5	BOD ^(*) (+)	mg/L	5	6	TCVN 6001-1:2008
6	NH ₄ ⁺ - N ^(*) (+)	mg/L	0,243	0,251	SMEWW 4500 - NH ₃ .B,F:2017
7	NO ₂ ⁻ - N ^(*) (+)	mg/L	0,028	0,033	SMEWW 4500 - NO ₂ ⁻ .B:2017
8	NO ₃ ⁻ - N ^(*) (+)	mg/L	2,45	3,18	SMEWW 4500 - NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Cu ^(*) (+)	mg/L	0,154	0,138	SMEWW 3111.B:2017
10	Fe ^(*) (+)	mg/L	0,629	0,845	SMEWW 3111.B:2017
11	Pb ^(P)	µg/L	KPH (MDL = 1,7)	KPH (MDL = 1,7)	SMEWW 3113.B:2017
12	Dầu mỡ khoáng ^(P)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	KPH (MDL = 0,3)	SMEWW 5520.B&F:2017
13	Coliforms ^(*) (+)	MPN/100mL	4,0 x 10 ³	4,7 x 10 ³	SMEWW 9221.B:2017

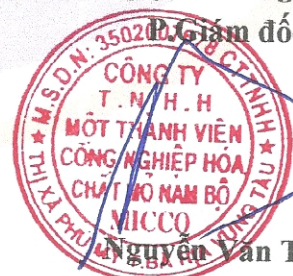
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Người lập

QA/QC

Hoàng Văn Hải

Ngô Thị Thanh Minh



Nguyễn Văn Thủy

1. Ký hiệu

13222 - NM01: Khu vực bến cảng nội địa (hạ nguồn)

13222 - NM02: Khu vực bến cảng nội địa (thượng nguồn)

2. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

3. Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768

4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

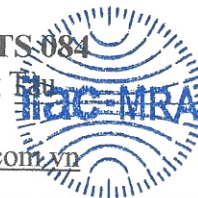
5. (*) Phương pháp thử nghiệm được Vilas công nhận

6. (+) Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận

7. (P) Các chỉ tiêu nhà thầu phụ Vimcerts

8. KPH: Không phát hiện

9. MDL: giới hạn phát hiện; LOQ: giới hạn định lượng.



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: 13222.NT

Đơn vị yêu cầu: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI KHAI KHOÁNG THĂNG LONG**

Địa điểm lấy mẫu: **Mỏ đá Thiện Tân 7**

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Ông Hường, đường Tân Hiền, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 06/12/2022

Thời gian thử nghiệm: 07/12 ÷ 15/12/2022

Loại mẫu: Nước thải

Số lượng: 03 mẫu nước

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ			PHƯƠNG PHÁP THỬ
			13222-NT01	13222-NT02	13222-NT03	
1	pH ^(*) (+)	-	7,89	6,93	7,26	TCVN 6492:2011
2	TSS ^(*) (+)	mg/L	31	37	34	TCVN 6625:2000
3	COD ^(*) (+)	mg/L	35	48	53	SMEWW 5220.C:2017
4	BOD ^(*) (+)	mg/L	18	25	28	TCVN 6001-1:2008
5	T - P ^(*) (+)	mg/L	1,17	2,26	2,05	SMEWW 4500 - P,B,E:2017
6	T - N ^(*) (+)	mg/L	3,28	5,16	4,83	TCVN 6638:2000
7	Cu ^(*) (+)	mg/L	0,341	0,153	0,287	SMEWW 3111.B:2012
8	Cd ^(*) (+)	mg/L	KPH (LOQ = 0,03)	KPH (LOQ = 0,03)	KPH (LOQ = 0,03)	SMEWW 3111.B:2017
9	Pb ^(P)	µg/L	KPH (MDL = 1,7)	KPH (MDL = 1,7)	KPH (MDL = 1,7)	SMEWW 3113.B:2017
10	As ^(*) (+)	mg/L	KPH (LOQ = 0,007)	KPH (LOQ = 0,007)	KPH (LOQ = 0,007)	SMEWW 3114.B:2017
11	Tổng dầu mỡ ⁽⁺⁾	mg/L	KPH (LOQ = 1)	KPH (LOQ = 1)	KPH (LOQ = 1)	SMEWW 5520.B:2017
12	Tổng hoạt độ α ^(P)	Bq/L	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	TCVN 6053:2011
13	Tổng hoạt độ β ^(P)	Bq/L	KPH (MDL = 0,3)	KPH (MDL = 0,3)	KPH (MDL = 0,3)	TCVN 6219:2011
14	Coliform ^(*) (+)	MPN/100mL	2,1 x 10 ³	2,6 x 10 ³	2,0 x 10 ³	SMEWW 9221.B:2017

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Người lập

QA/QC

Hoàng Văn Hải

Ngô Thị Thanh Minh



Nguyễn Văn Thủy

1. Ký hiệu

13222 - NT01: Nước thải tại hồ lắng khai trường

13222 - NT02: Nước thải tại bể lọc nước thải sinh hoạt

13222 - NT03: Nước thải tại nơi tiếp nhận nguồn nước thải

2. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

3. Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768

4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

5. (*) Phương pháp thử nghiệm được Vilas công nhận

6. (+) Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận

7. (P) Các chỉ tiêu nhà thầu phụ

8. KPH: Không phát hiện

9. MDL: giới hạn phát hiện; LOQ: giới hạn định lượng



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: 13222.KK

Đơn vị yêu cầu: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VẬN TẢI KHAI KHOÁNG THẮNG LONG**

Địa điểm lấy mẫu: **Mỏ đá Thiện Tân 7**

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Ông Hoàng, đường Tân Hiền, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 06/12/2022

Thời gian thử nghiệm: 07/12 ÷ 15/12/2022

Loại mẫu: Không khí

Số lượng: 04 mẫu khí

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử
			13222-KK01	13222-KK02	13222-KK03	13222-KK04	
1	Nhiệt độ ⁽⁺⁾	%	29,6	29,6	28,3	28,5	QCVN 46:2012/BTNMT
2	Tốc độ gió ⁽⁺⁾	m/s	0,5	0,9	1,1	1,0	QCVN 46:2012/BTNMT
3	Hướng gió	-	Đông Nam	Đông Nam	Đông Nam	Đông Nam	QCVN 46:2012/BTNMT
4	Độ ồn ⁽⁺⁾	dBA	68,9	62,7	69,1	56,8	TCVN 7878 - 2:2018
5	Độ rung ⁽⁺⁾	dB	56,1	50,3	52,8	43,6	TCVN 6963:2001
6	Bụi ^(*) (+)	µg/m ³	224	195	173	147	TCVN 5971:1995
7	Bụi chứa Silic ^(P)	µg/m ³	39,6	26,6	22,1	12,6	NIOSH Method 7601
8	NO ₂ ⁽⁺⁾	µg/m ³	76	71	77	68	TCVN 6137:2009
9	SO ₂ ⁽⁺⁾	µg/m ³	85	88	90	79	TCVN 5971:1995
10	CO ⁽⁺⁾	µg/m ³	7.269	7.081	7.369	6.573	HD/CO/NBMICCO - 01

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Người lập

QA/QC

P. Giám đốc

Hoàng Văn Hải

Ngô Thị Thanh Minh



Nguyễn Văn Thủy

1. Ký hiệu

- 13222 - KK01: Khu vực moong khai thác (1219369-0402362)
- 13222 - KK02: Đường vận chuyển nội bộ mỏ (1219583-0204248)
- 13222 - KK03: Khu vực chế biến (1219656-0402570)
- 13222 - KK04: Khu vực bến thủy (1219774-0402636).

2. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

- 4. Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768
- 5. (*) Phương pháp thử nghiệm được Vilas công nhận
- 6. (+) Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận
- 7. (P) Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện.